

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
B PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HN&GD-ST

Ngày: 26/01/2021.

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN B PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- B phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đình Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sỹ Trinh, ông Nguyễn Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân B phố Đồng Xoài.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 386/2020/TLST-HN&GD ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

Bà Phạm Thị Ngọc A - Sinh năm: 1976 (Có mặt).

Trú tại: Tổ 6, khu phố Phước Thọ, phường Tân Thiện, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

*** Bị đơn:**

Ông Nguyễn Văn B - Sinh năm: 1961 (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Tổ 6, khu phố Phước Thọ, phường Tân Thiện, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đã nộp cho Tòa án, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc A trình bày:*

Bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B đã tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 cho đến nay. Việc chung sống giữa bà A với

ông B là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ai. Tuy nhiên từ khi chung sống cho đến nay bà A và ông B vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu bà A và ông B chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2012 đến nay thì giữa bà A và ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy tình cảm giữa bà A và ông B không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà A được ly hôn với ông B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung, bà A vẫn giữ nguyên nội dung như đã thỏa thuận thống nhất với ông B, cụ thể như sau:

“- Về con chung, bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B thỏa thuận thống nhất: Bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B đã thỏa thuận thống nhất là giao 02 người con chung tên Nguyễn Quốc Dũng – Sinh ngày: 12/8/2008 và Nguyễn Hoàng Bảo Trân – Sinh ngày: 09/11/2012 cho bà Phạm Thị Ngọc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để bà A nuôi dưỡng con chung. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng B đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn B được quyền thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

Vì quyền - lợi ích mọi mặt của con chung, bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B thỏa thuận thống nhất: Căn nhà và những tài sản vật dụng trong nhà, bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B thống nhất để lại cho con chung là cháu Nguyễn Quốc Dũng – Sinh ngày: 12/8/2008 và Nguyễn Hoàng Bảo Trân – Sinh ngày: 09/11/2012, bà A là người quản lý.

Khi các con chung là cháu Nguyễn Quốc Dũng và cháu Nguyễn Hoàng Bảo Trân trưởng B đủ 18 tuổi, bà Phạm Thị Ngọc A có trách nhiệm chuyển nhượng sang tên cho cháu Dũng và cháu Trân phần đất có diện tích 172,7m² thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường Tân Thiện, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số sổ BA752998, sổ vào sổ cấp GCN: 0710/QSDD/3385/QĐUB do UBND thị xã Đồng Xoài cấp cho hộ bà Phạm Thị Ngọc A ngày 30/6/2010 theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung, bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B thỏa thuận thống nhất: Bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.”

** Theo bản tự khai đã nộp cho Tòa án, biên bản hòa giải và đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn – Ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị Ngọc A đã tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 cho đến nay. Việc chung sống giữa ông B và bà A là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ai. Tuy nhiên cho đến nay, ông B và bà A vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu ông B và bà A chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2012 đến nay thì giữa ông B và bà A phát sinh nhiều mâu thuẫn. Lý do phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do tình cảm giữa ông B và bà A không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nay bà A làm đơn xin ly hôn, ông B đồng ý ly hôn với bà A, ông B yêu cầu Tòa án nhân dân B phố Đồng Xoài giải quyết cho ông B và bà A được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung, ông B và bà A đã thỏa thuận thống nhất:

“- Về con chung, bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B thỏa thuận thống nhất: Bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B đã thỏa thuận thống nhất là giao 02 người con chung tên Nguyễn Quốc Dũng – Sinh ngày: 12/8/2008 và Nguyễn Hoàng Bảo Trân – Sinh ngày: 09/11/2012 cho bà Phạm Thị Ngọc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để bà A nuôi dưỡng con chung. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng B đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn B được quyền thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

Vì quyền - lợi ích mọi mặt của con chung, bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B thỏa thuận thống nhất: Căn nhà và những tài sản vật dụng trong nhà, bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B thống nhất để lại cho con chung là cháu Nguyễn Quốc Dũng – Sinh ngày: 12/8/2008 và Nguyễn Hoàng Bảo Trân – Sinh ngày: 09/11/2012, bà A là người quản lý.

Khi các con chung là cháu Nguyễn Quốc Dũng và cháu Nguyễn Hoàng Bảo Trân trưởng B đủ 18 tuổi, bà Phạm Thị Ngọc A có trách nhiệm chuyển nhượng sang tên cho cháu Dũng và cháu Trân phần đất có diện tích 172,7m² thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường Tân Thiện, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số sổ BA752998, sổ vào sổ cấp

GCN: 0710/QSDD/3385/QĐUB do UBND thị xã Đồng Xoài cấp cho hộ bà Phạm Thị Ngọc A ngày 30/6/2010 theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung, bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B thỏa thuận thống nhất: Bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.”

* Theo bản tự khai ngày 09/11/2020 của cháu Nguyễn Quốc Dũng và bản tự khai ngày 10/11/2020 của cháu Nguyễn Hoàng Bảo Trân, cả hai cháu đều trình bày như sau:

Việc ly hôn giữa bố mẹ cháu là bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B là chuyện của người lớn, chúng cháu không có ý kiến gì. Nếu Tòa án cho bố mẹ cháu ly hôn, chúng cháu đều có nguyện vọng xin Tòa án giải quyết cho chúng cháu được ở với mẹ cháu là bà Phạm Thị Ngọc A.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân B phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng khác đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân B phố Đồng Xoài đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 11; Điều 12; Điều 14; Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, không công nhận quan hệ giữa bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B là vợ chồng. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà A và ông B về con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xác định đây là vụ án “Ly hôn” do bà Phạm Thị Ngọc A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Nguyễn Văn B có hộ khẩu thường trú tại tổ 6, khu phố Phước Thọ, phường Tân Thiện, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn B theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B đều thừa nhận, bà A và ông B đã tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 cho đến nay. Việc chung sống giữa bà A và ông B là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ai. Tuy nhiên đến thời điểm này, bà A và ông B vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

Cả bà A và ông B đều thừa nhận từ năm 2012 đến nay thì giữa bà A và ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn. Lý do phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại bà A và ông B đã sống ly thân. Bà A làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà A được ly hôn với ông B. Ông B cũng đồng ý ly hôn với bà A.

Do bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B có đủ điều kiện kết hôn, bà A và ông B không đăng ký kết hôn mà lại chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 đến nay. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015 thì việc chung sống giữa bà A và ông B không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bà Phạm Thị Ngọc A làm đơn ly hôn với ông Nguyễn Văn B, căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015 thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà A và ông B.

[2.2] Về con chung:

Tuy không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B nhưng quyền và nghĩa vụ đối với con chung của bà A và ông B vẫn phải giải quyết theo Điều 15 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015.

Cả bà A và ông B đều thừa nhận trong thời gian chung sống, bà A và ông B có 02 người con chung tên Nguyễn Quốc Dũng – Sinh ngày: 12/8/2008 và Nguyễn Hoàng Bảo Trân – Sinh ngày: 09/11/2012. Hiện cháu Dũng và cháu Trân đang sống với bà A. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà A và ông B đều thỏa thuận thống nhất là giao 02 người con chung tên Nguyễn Quốc Dũng – Sinh ngày: 12/8/2008 và Nguyễn Hoàng Bảo Trân – Sinh ngày: 09/11/2012 cho bà Phạm Thị Ngọc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) để bà A nuôi dưỡng con chung. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng B đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn B được quyền thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

Vì quyền - lợi ích mọi mặt của con chung, bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, đây là sự thỏa thuận tự nguyện của bà A và ông B và sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của hai con chung là cháu Nguyễn Quốc Dũng và cháu Nguyễn Hoàng Bảo Trân. Sự thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

[2.3] Về tài sản chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B đều thỏa thuận thống nhất là căn nhà và những tài sản vật dụng trong nhà, bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B thống nhất để lại cho con chung là cháu Nguyễn Quốc Dũng – Sinh ngày: 12/8/2008 và Nguyễn Hoàng Bảo Trân – Sinh ngày: 09/11/2012, bà A là người quản lý.

Khi các con chung là cháu Nguyễn Quốc Dũng và cháu Nguyễn Hoàng Bảo Trân trưởng B đủ 18 tuổi, bà Phạm Thị Ngọc A có trách nhiệm chuyển nhượng sang tên cho cháu Dũng và cháu Trân phần đất có diện tích 172,7m² thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường Tân Thiện, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số BA752998, sổ vào sổ cấp GCN: 0710/QSDĐ/3385/QĐUB do UBND thị xã Đồng Xoài cấp cho hộ bà Phạm Thị Ngọc A ngày 30/6/2010 theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, đây là sự thỏa thuận tự nguyện của bà A và ông B và sự thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

[2.4] Về nợ chung:

Bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B không có khoản nợ chung và không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân B phố Đồng Xoài tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng:

Bà Phạm Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 14; Điều 15; Điều 53;

Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015; Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên bố bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B không phải là vợ chồng.

[2] Về con chung:

Tuyên giao 02 người con chung tên Nguyễn Quốc Dũng – Sinh ngày: 12/8/2008 và Nguyễn Hoàng Bảo Trân – Sinh ngày: 09/11/2012 cho bà Phạm Thị Ngọc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) để bà A nuôi dưỡng con chung. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng B đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn B được quyền thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

Vì quyền - lợi ích mọi mặt của con chung, bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung:

Tuyên giao căn nhà và những tài sản vật dụng trong nhà cho con chung là cháu Nguyễn Quốc Dũng – Sinh ngày: 12/8/2008 và Nguyễn Hoàng Bảo Trân – Sinh ngày: 09/11/2012, bà A là người quản lý.

Khi các con chung là cháu Nguyễn Quốc Dũng và cháu Nguyễn Hoàng Bảo Trân trưởng B đủ 18 tuổi, bà Phạm Thị Ngọc A có trách nhiệm chuyển nhượng sang tên cho cháu Dũng và cháu Trân phần đất có diện tích 172,7m² thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường Tân Thiện, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số sổ BA752998, sổ vào sổ cấp GCN: 0710/QSDĐ/3385/QĐUB do UBND thị xã Đồng Xoài cấp cho hộ bà Phạm Thị Ngọc A ngày 30/6/2010 theo quy định của pháp luật.

[4] Về nợ chung:

Bà Phạm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B không có khoản nợ chung và không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng:

Bà Phạm Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng (*Bà trăm ngàn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

mà bà A đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0025221, Quyền số 000505 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự B phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bà Phạm Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng (*Bà trăm ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng.

[6] Về quyền kháng cáo:

Bà Phạm Thị Ngọc A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đồng Xoài;
- CCTHADS thành phố Đồng Xoài;
- UBND phường Tân Thiện;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CAO ĐÌNH THÀNH